TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:12 /2019/DS-PT Ngày 18 - 02 - 2019 V/v tranh chấp Đòi bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Thẩm phán: 1/. Bà Trương Tố Hương.

2/. Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2018/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019, về việc "*Đòi bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DS-ST, ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ông A, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp V A, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2- Bị đơn: Ông B, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp V A, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Luật sư C – Văn phòng luật sư C, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ: đường L, khóm B, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

5- Người kháng cáo: Ông B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nguyên đơn A trình bày: Vào khoảng 20 giờ ngày 10/12/2013, nguyên đơn A phát hiện cây cầu bắc qua Kênh thủy lợi để vào ao tôm của nguyên đơn tại Ấp V A, xã H, thị xã V bị dỡ bỏ, nguyên đơn hỏi ông D là người nuôi tôm kế bên thì được biết bị đơn B đã dỡ cây cầu. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, nguyên đơn cùng cha, mẹ của nguyên đơn đến nhà bị đơn để hỏi nguyên nhân dỡ cây cầu bắc qua Kênh thủy lợi và đã xảy ra cự cãi, xô xát. Bị đơn đã cầm dao chém vào người nguyên đơn làm nguyên đơn bị thương tại bắp tay phải, đứt lìa ngón tay út và bị thương lòng bàn tay phải. Nguyên đơn A được gia đình đưa đi cấp cứu tại Trạm y tế xã V, sau đó chuyển đi điều trị tại Bệnh viện Đa khoa thị xã V 08 ngày (từ 23 giờ 00 phút ngày 10/12/2013 đến 16 giờ 00 phút ngày 18/12/2013) và tại Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Thành phố Hồ Chí Minh 03 ngày (từ 14 giờ 00 phút ngày 20/01/2014 đến 08 giờ 18 phút ngày 22/01/2014).

Tại Bản kết luận pháp y về thương tích, nguyên đơn bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 17%. Ngày 28/10/2014, Công an thị xã V ban hành Quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn A yêu cầu bị đơn B bồi thường chi phí cho việc cứu chữa, điều trị vết thường gồm các khoản tiền như sau: Tiền xe nhập viện và xuất viện là 11 lượt đi và về với số tiền là 1.540.000 đồng; Tiền giám định pháp y là 1.215.000đồng; Tiền thất công lao động của người bệnh và người nuôi bệnh: 150.000đồng/ngày x 11 ngày x 2 người = 3.300.000đồng; Tiền thuốc, viện phí là 16.272.200đồng; Tiền thất công lao động trong thời gian dưỡng bệnh: 04 tháng x 4.500.000đồng = 18.000.000đồng; Tiền tổn thất tinh thần là 8.340.000đồng. Tổng cộng là 48.667.200đồng.

2. Bị đơn B trình bày: Vào khoảng 22 giờ ngày 10/12/2013 nguyên đơn A đến nhà bị đơn B đập cửa, con và vợ bị đơn ra mở cửa thì nguyên đơn dùng tay nắm đầu, dùng cây đánh vào người vợ và con bị đơn, rồi dùng tay đánh vào mặt bị đơn. Để tự vệ và bảo vệ vợ con bị đơn vào nhà lấy dao ra chém nguyên đơn một cái không biết trúng đâu thì được mọi người can ra. Sau này mới biết nguyên đơn bị thương tích ở tay phải đứt lìa ngón tay, tỷ lệ thương tật là 17%, nằm viện điều trị nhiều ngày. Sự việc được Cơ quan điều tra Công an thị xã V điều tra làm rỏ và có Quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với bị đơn với lý do phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, sau đó chuyển vụ án về cho Công an xã V để hòa giải, giải quyết dân sự. Công an xã V tổ chức hòa giải nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường các khoản chi phí điều trị do sức khỏe bị xâm phạm là 19.304.000 đồng, nhưng bị đơn không đồng ý vì sự việc xãy ra hai bên đều có thương tích và thiệt hại. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường chi phí điều trị thương tích tổng cộng với số tiền là 48.667.200đồng là bị đơn không đồng ý, bị đơn chỉ đồng ý bồi thường tiền thang thuốc cho nguyên đơn là 3.500.000đồng, nếu nguyên đơn không đồng ý, yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật.

* Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018, đã quyết định:

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 584, Điều 585, Điều 590, của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào tiểu mục 1.1, tiểu mục 1.2, tiểu mục 1.3 và tiểu mục 1.5 phần 1 mục II của Nghị quyết số 03/2006 NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào điểm d Khoản 1 Điều 12 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A đối với bị đơn B, về việc "yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm"

- Buộc ông B phải có nghĩa vụ bồi thường các khoản chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút cho ông A số tiền là 47.263.694đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền toa vé viện phí mà ông A yêu cầu đối với ông B, tổng số tiền là: 1.403.506đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

* Ngày 03/12/2018, Tòa án nhân dân thị xã V nhận đơn kháng cáo ngày 27/11/2018 của bị đơn B, nội dung kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết xét xử lại vụ án theo hướng sửa một phần bản án đối với các chi phí yêu cầu bất hợp lý trong việc điều trị thương tích của nguyên đơn A.

* Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn A không rút lại đơn khởi kiện; người kháng cáo là bị đơn B giữ nguyên nội dung kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đơn đưa ra những căn cứ, lập luận và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn B, sửa một phần bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với những khoản bồi thường không hợp lý.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm

về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Luật sư, Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn B là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[II] Về nội dung:

[1] Nguyên vào khoảng 22 giờ ngày 10/12/2013, giữa nguyên đơn A và bị đơn B có xảy ra mâu thuẫn và có xảy ra xô xát đánh nhau. Trong quá trình xô xát thì bị đơn B có dung dao chém nguyên đơn A gây thương tích dẫn đến nguyên đơn bị tổn hại sức khỏe là 17%, bị đơn B thừa nhận thương tích dẫn đến nguyên bị tổn hại sức khỏe do chính hành vi của bị đơn dùng dao chém gây nên và đồng ý bồi thường cho bị đơn các khoản chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, điều trị. Do đó, nguyên đơn A yêu cầu bị đơn B phải bồi thường các chi phiều trị thương tích cho nguyên đơn A là có cơ sở và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã V xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn A, buộc bị đơn B phải có nghĩa vụ bồi thường các khoản chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút cho ông A bao gồm tiền thuốc, viện phí 14.868.694đồng; tiền thu nhập bị mất, bị giảm súc của người bệnh và người nuôi trong thời gian điều trị 3.300.000đồng; tiền thu nhập bị mất, bị giảm súc trong thời gian dưỡng bệnh sau khi điều trị 18.000.000đồng (4.500.000đ/tháng x 4 tháng); tiền tổn thất về mặt tinh thần 8.340.000đồng; tiền tàu xe đi trị bệnh 1.540.000đồng; tiền chi phí giám định tỷ lệ thương tật 1.215.000đồng; tổng cộng số tiền là 47.263.694 đồng. Không chấp nhận số tiền tiền thuốc, viện phí không hợp lý mà nguyên đơn A yêu cầu đối với bị đơn B, tổng số tiền là: 1.403.506đồng.

[3] Theo kháng cáo của bị đơn B yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại những khoản chi phí không hợp lý cho việc điều trị thương tích và không chấp nhận yêu cầu bồi thường của nguyên đơn A đối với các khoản chi phí này.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, theo đơn kháng cáo và tại phiên toà phúc thẩm bị đơn đồng ý bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn bao gồm tiền thuốc, viện phí điều trị tại Bệnh viện Đa khoa thị xã V và tại Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Thành phố Hồ Chí Minh (nối gân tay); tiền tàu xe đi Thành phố Hồ Chí Minh (2 chuyến x 2 người) bằng 04 vé xe; tiền tổn thất tinh thần bằng 6 tháng lương cơ sở 8.340.000đồng (1.390.000đ x 6 tháng); tiền thu nhập bị mất, bị giảm súc của người

bệnh và người nuôi trong thời gian điều trị 2.700.000đồng (150.000đ/ngày x 2 người x 9 ngày); tiền thu nhập bị mất, bị giảm súc trong thời gian dưỡng bệnh sau khi điều trị 13.500.000đồng (150.000đ/ngày x 90 ngày).

[5] Xét thấy, sau khi bị chém thì nguyên đơn điều trị tại Bệnh viện Đa khoa thị xã V thời gian 08 ngày và tại Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Thành phố Hồ Chí Minh thời gian 03 ngày, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường tiền thu nhập bị mất, bị giảm súc của người bệnh và người nuôi trong thời gian điều trị 11 ngày với số tiền 3.300.000đồng (150.000đ/ngày x 2 người x 11 ngày) là phù hợp; sau khi điều trị tại Bệnh viện Đa khoa thị xã V thì nguyên đơn đi điều trị tại Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Thành phố Hồ Chí Minh và đi về để điều trị, tái khám nhiều lần theo chỉ định của Bác sỹ, nên tiền tàu xe đi trị bệnh theo nguyên đơn yêu cầu 1.540.000đồng là phù hợp với thực tế; tiền tổn thất về mặt tinh thần 8.340.000đồng bị đơn đồng ý. Do đó, các khoản bồi thường thiệt hại bao gồm tiền thu nhập bị mất, bị giảm súc của người bệnh và người nuôi trong thời gian điều trị 3.300.000đồng; tiền tổn thất về mặt tinh thần 8.340.000đồng; tiền tàu xe đi điều trị, tái khám 1.540.000đồng như cấp sơ thẩm nhận định và buộc bị đơn bồi thường cho nguyên đơn là hợp lý và phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại tiểu mục 1.1 mục 1 phần II của Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[5] Đối với khoản tiền thu nhập bị mất, bị giảm súc trong thời gian dưỡng bệnh sau khi điều trị, theo nguyên đơn yêu cầu thời hạn 04 tháng với số tiền 18.000.000đồng là cao so với thực tế, nhưng theo bị đơn thì chấp nhận bồi thường thời hạn 90 ngày với số tiền 13.500.000đồng. Do vậy, nghĩ nên chấp nhận thời gian dưỡng bệnh sau khi điều trị theo bị đơn đồng ý là 03 tháng (90 ngày), tương ứng với số tiền 13.500.000đồng (150.000đ/ngày x 90 ngày) là hợp tình, hợp lý và có căn cứ pháp luật.

[6] Đối với chi phí về tiền thuốc, tiền viện phí cấp sơ thẩm chấp nhận là 14.868.694đồng theo 43 biên lai, hóa đơn do nguyên đơn A cung cấp; trong đó có 32 biên lai, hóa đơn (BL 21-22, 24-37, 46-48, 52a-59, 61-65) với số tiền 10.520.694đồng là phù hợp với việc điều trị thương tích ở cánh tay và bàn tay phải của nguyên đơn. Đối với 10 biên lai, hóa đơn (BL 38 – 45,49,50) với số tiền 4.288.000đồng mà nguyên đơn điều trị và khám bệnh tại Bênh viện Nhiệt Đới, nguyên đơn thừa nhận là điều trị bệnh men gan cao và khám bệnh theo yêu cầu, nhưng cho rằng việc điều trị và khám bệnh tại Bênh viện Nhiệt Đới là theo chỉ định của Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nhập viện, nhưng trên thực tế nguyên đơn cũng không cung cấp được giấy tờ, chứng cứ để chứng minh có việc chỉ định của Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Thành phố Hồ Chí Minh, trong khi đó trong các biên lai, hóa đơn trên thì có những biên lai, hóa đơn (BL 38-41, 43) nguyên đơn đã điều trị trước khi nhập viện tại Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Thành phố Hồ Chí Minh; đối với bệnh men gan cao mà nguyên đơn điều trị không phải xuất phát từ thương tích của nguyên đơn do bị đơn chém gây ra, mà xuất phát từ cơ thể của nguyên đơn. Ngoài ra, có 01 biên lai, hóa đơn ngày 11/10/2013 (BL 60) với số tiền 60.000đồng điều trị trước khi sự việc xảy

ra (ngày 10/12/2013) nên cũng không hợp lý. Từ những phân tích, nhận định thì những khoản chi phí điều trị, khám bệnh theo các biên lai, hóa đơn nêu trên là không phù hợp và không hợp lệ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường là không có cơ sở và không được chấp nhận. Do vậy, về số tiền thuốc, tiền viện phí hợp lệ được chấp nhận là 10.520.694đồng và không hợp lệ không được chấp nhận là 4.348.000đồng.

[7] Xét thấy, trong quá trình điều tra vụ án hình sự, tại Cơ quan Điều tra Công an thị xã V nguyên đơn đã nộp số tiền chi phí giám định thương tích là 1.215.000đồng (theo 02 biên lai thu - BL 51, 52) để yêu cầu Cơ quan Điều tra tiến hành giám định tỷ lệ thương tật tổn hại sức khỏe của nguyên đơn. Do không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan Điều tra Công an thị xã V đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với bị đơn B và chuyển vụ việc giải quyết theo thủ tục dân sự, nên đương sự phải chịu khoản chi phí này theo Điều 36 Luật giám định tư pháp. Do bị đơn là người gây ra hậu quả, có trách nhiệm bồi thường thiệt hại nên bị đơn phải chịu và có nghĩa vụ bồi thường số tiền chi phí giám định 1.215.000đồng cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, kháng cáo của bị đơn B có căn cứ một phần nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần có căn cứ như nhận định trên.

[7] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn B, sửa một phần bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với những khoản bồi thường không hợp lý là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[8] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Do kháng cáo của người kháng cáo được chấp nhận, Bản án sơ thẩm bị sửa, nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án phí sơ thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông B.

2/- Sửa bản án sơ thẩm số 18/2018/DS-ST, ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 584, Điều 585, Điều 590, của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào tiểu mục 1.1, tiểu mục 1.2, tiểu mục 1.3 và tiểu mục 1.5 phần 1 mục II của Nghị quyết số 03/2006 NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào điểm d Khoản 1 Điều 12 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A đối với bị đơn B, về việc "yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm".

- Buộc ông B phải có nghĩa vụ bồi thường các khoản chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút cho ông A số tiền là 38.415.694đồng (tiền thuốc, viện phí 10.520.694đ*; tiền thu nhập bị mất, bị giảm súc của người bệnh và người nuôi trong thời gian điều trị 3.300.000đ; tiền thu nhập bị mất, bị giảm súc trong thời gian dưỡng bệnh sau khi điều trị 13.500.000đ; tiền tổn thất về mặt tinh thần 8.340.000đ; tiền tàu xe đi trị bệnh 1.540.000đ; tiền chi phí giám định tỷ lệ thương tật 1.215.000đ).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn A có đơn yêu cầu Thi hành án thì bị đơn B phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường đủ số tiền nêu trên cho nguyên đơn theo quy định của Luật Thi hành án dân sự. Nếu bị đơn B không thực hiện thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với những khoản chi phí không hợp lý cho việc điều trị mà nguyên đơn A yêu cầu bồi thường đối với bị đơn B, tổng số tiền là: 8.848.000đồng (tiền thuốc, viện phí 4.348.000đ*; tiền thu nhập bị mất, bị giảm súc trong thời gian dưỡng bệnh sau khi điều trị 4.500.000đ).*

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn B phải chịu là 1.920.800đồng.

- Nguyên đơn A được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

3/- Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng B không phải chịu; Hoàn trả cho bị đơn B số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng, theo biên lai thu số 0004043 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã V.

4/- Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sữ
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND TX. V;
- Chi cục THADS TX.V;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa Ds.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hùng Nuôi

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:** **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND TX.Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS TX.Vĩnh Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hùng Nuôi

TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **149**/2018/DS-PT

Ngày 14 - 11 - 2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Thẩm phán: 1/. Ông Nguyễn Khánh Hùng.

2/. Bà Trương Tố Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 8 năm 2018, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 145/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 125/2018/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích, sinh năm 1939; Địa chỉ: ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Ông Huỳnh Hữu Hiền, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 186, ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 14/7/2015). (có mặt)

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*: Luật sư Bạch Sỹ Chất – Văn phòng Luật sư Bạch Sỹ Chất, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ: Số 181/9, Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 3, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Đăng ký số 88 ngày 20/8/2018). (có mặt)

2- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Lực, sinh năm 1952; Địa chỉ: Số 187, ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1- Ông Huỳnh Hữu Hiền, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 186, ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3.2- Ông Huỳnh Hữu Hiếu, sinh năm 1962; Địa chỉ: số 115, khóm Lê Văn Tư, phường Khánh Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3.3- Ông Huỳnh Hữu Thảo, sinh năm 1964; Địa chỉ: ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3.4- Ông Huỳnh Hữu Lành, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn Đồng Kỵ, xã Đồng Kỵ, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

* *Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Hữu Lành*: Ông Huỳnh Hữu Hiền, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 186, ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (văn bản ủy quyền ngày 16/10/2014). (có mặt)

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hiền, ông Hiếu và ông Thảo*: Luật sư Bạch Sỹ Chất – Văn phòng Luật sư Bạch Sỹ Chất, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ: Số 181/9, Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 3, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Đăng ký số 88 ngày 20/8/2018). (có mặt)

3.5 Bà Trần Thị Thành, sinh năm 1928 (chết ngày 24/9/2018);

* *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Thành*: Ông Nguyễn Văn Lực, ông Nguyễn Văn Phép, bà Nguyễn Thị Nhiệm, bà Nguyễn Thị Thật, bà Nguyễn Thị Kính, bà Nguyễn Thị Ánh và ông Nguyễn Văn Hưởng – cũng là bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án)

3.6 Ông Nguyễn Văn Phép, sinh năm 1946;

3.7 Bà Nguyễn Thị Nhiệm, sinh năm 1955;

3.8 Bà Nguyễn Thị Thật, sinh năm 1957;

3.9 Bà Nguyễn Thị Kính, sinh năm 1962;

3.10 Bà Nguyễn Thị Ánh, sinh năm 1964;

3.11 Ông Nguyễn Văn Hưởng, sinh năm 1967;

Cùng trú tại: ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

* *Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Văn Hưởng; Nguyễn Thị Ánh; Nguyễn Thị Kính; Nguyễn Thị Thật; Nguyễn Thị Nhiệm; Nguyễn Văn Phép*: Ông Nguyễn Văn Lực – là bị đơn trong vụ án (văn bản ủy quyền ngày 11/7/2016 và ngày 02/8/2016). (có mặt)

3.12 Bà Trần Thị Điệp sinh năm 1955;

3.13 Ông Nguyễn Thanh Diệp sinh năm 1972;

3.14 Bà Nguyễn Thị Bé sinh năm 1981;

3.15 Ông Nguyễn Văn Phết sinh năm 1983;

3.16 Bà Nguyễn Thị Kiều sinh năm 1990;

Cùng trú tại: 187, ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (tất cả vắng mặt)

4- Người kháng cáo: Ông Huỳnh Hữu Hiền là người đại diện cho nguyên đơn và là người có quyền, nghĩa vụ liên quan; ông Huỳnh Hữu Hiếu và ông Huỳnh Hữu Thảo là người có quyền, nghĩa vụ liên quan.

5- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Hữu Hiền trình bày: Ông Huỳnh Hữu Tiền (chồng nguyên đơn Bích) có diện tích đất thổ cư 169m^2, thuộc thửa số 64, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, ông Tiền được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện (nay là thị xã) Vĩnh Châu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 22/9/1999. Nguồn gốc diện tích đất trên là đất hoang hóa, đất rừng trủng, ông Tiền đến khai phá sử dụng từ năm 1978, ông Tiền cất một căn nhà lá phía trước giáp với sông và lộ đal khoảng 46m^2 để ở. Năm 2005 ông Tiền được nhà nước cấp căn nhà tình thương và được cất lại trên nền nhà củ mà ông Tiền sử dụng trước đó, ông Tiền ở đó liên tục cho đến khi ông Tiền chết (chết vào năm 2011). Năm 2013, gia đình bị đơn Nguyễn Văn Lực đã tự ý cất chuồng gà, nhà nấu ăn lấn chiếm diện tích đất của ông Tiền khoảng 58,6m^2 và tiếp tục xây dựng căn nhà trước lấn chiếm đất của ông Tiền khoảng 22m^2. Không đồng ý với việc làm của bị đơn Lực, nguyên đơn Bích và các con trong gia đình làm đơn yêu cầu Hội đồng tư vấn đất đai của xã Lạc Hòa giải quyết tranh chấp nhưng việc hòa giải không thành.

Nguyên đơn Bích khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Lực phải tháo gỡ chuồng gà, nhà nấu ăn và căn nhà mới xây dựng trả lại diện tích đất đã lấn chiếm thực tế theo biên bản thẩm định ngày 08/3/2016 của Tòa án. Cụ thể phải tháo dỡ chuồng gà trả lại diện tích 12,9m^2 (chiều dài là 3m chiều ngang là 4,3m), nhà bếp để trả lại diện tích 9,6m^2 (chiều dài là 2,2m chiều ngang là 4,3m), một phần nhà trước để trả lại diện tích đất 22,6m^2 (chiều dài 12,3m chiều ngang là 1,78m) và một phần nhà sau để trả lại diện tích đất 14,5m^2 (chiều dài 9m chiều ngang là 1,72m), tổng diện tích lấn chiếm phải giao trả là: 59.6m^2 (12,9m^2 + 9,6m^2 + 22,6m^2 + 14,5m^2) trong diện tích 169m^2, thuộc thửa 64, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng do ông Huỳnh Hữu Tiền đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2- Bị đơn Nguyễn Văn Lực trình bày: Diện tích đất thổ cư 169m^2, thuộc

thửa số 64, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, ông Tiền được UBND huyện (nay là thị xã) Vĩnh Châu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 22/9/1999, có nguồn gốc là của Nguyễn Văn Ba (cha bị đơn Lực - chết vào năm 1975) để lại. Đến năm 1978 ông Huỳnh Hữu Tiền đi lính về không có đất ở nên có đến hỏi mượn bà Trần Thị Thành (mẹ bị đơn Lực) một phần đất ngang khoản 3 mét dài khoản 4 mét để cất nhà ở và hứa ở khi tàn hai xác lá sẽ trả lại diện tích đất trên cho bà Thành, việc cho mượn đất không có làm văn bản nhưng có ông Lê Văn Hơn và Lâm Văn Giá biết rõ việc mượn đất của ông Tiền, nhưng hiện nay hai người này đã chết. Phần diện tích đất còn lại phía sau căn nhà ông Huỳnh Hữu Tiền ở, bị đơn Nguyễn Văn Lực cất nhà sau, nhà nấu ăn trên một phần diện tích đất tại thửa 64, tờ bản đồ số 15, lúc đó ông Tiền còn sống nhưng ông Tiền cũng không có ý kiến gì. Đến năm 2005 nhà nước cất nhà tình thương cho ông Tiền, ông Huỳnh Hữu Tiền có gặp bà Thành hỏi mượn tiếp tục diện tích đất đó cất nhà ở tiếp, hứa khi nào ông Tiền chết sẽ trả lại đất cho bà Thành. Khi ông Tiền chết, bà Thành và bị đơn Lực có đến gặp nguyên đơn Bích và các con ông Tiền để yêu cầu trả lại đất nhưng những người này không đồng ý và tiếp tục ở trên đất. Đến đầu năm 2013 bị đơn Lực tiếp tục xây dựng lại nhà trước thì nguyên đơn Bích là vợ ông Tiền khởi kiện cho rằng ông đã cất nhà lấn đất của ông Tiền nên mới phát sinh tranh chấp. Bị đơn Lực cho rằng, diện tích đất đó là của cha mẹ bị đơn khai phá cho ông Huỳnh Hữu Tiền mượn một nền đất để cất nhà, phần còn lại là của mẹ bị đơn nên bị đơn mới sử dụng để cất nhà, ông Tiền không sử dụng đất như nguyên đơn Bích đã trình bày. Bị đơn Lực không đồng ý tháo gỡ nhà và chuồng gà mà bị đơn đã xây dựng để trả lại diện tích đất theo yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn thống nhất với kết quả thẩm định, định giá ngày 08/3/2016 của Tòa án nhân dân thị xã V. Việc ông Tiền được UBND huyện Vĩnh Châu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên gia đình bị đơn không biết, bị đơn đã ở trên đất từ đó đến nay nhưng không thấy đo đạc hay kêu ký xác định ranh đất.

3- Người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan ông Huỳnh Hữu Hiếu và Huỳnh Hữu Thảo trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của ông Huỳnh Hữu Hiền về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn Lực trả lại diện tích 59,6m^2 đất đã xây dựng nhà tại thửa 64, tờ bản đồ số 15, không có yêu cầu gì khác.

4- Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị Điệp, ông Nguyễn Thanh Diệp, bà Nguyễn Thị Bé, ông Nguyễn Văn Phết và bà Nguyễn Thị Kiều: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án có tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai những người này để tham gia tố tụng nhưng những người này không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn, vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt.

* Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018, đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 9 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1

Điều 39, Khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 khoản 2 Điều 229, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 255, Điều 256, Điều 261 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Khoản 24 Điều 3, Khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XII về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điểm đ Khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích đối với ông Nguyễn Văn Lực về việc tranh chấp quyền sử dụng diện tích đất 59.6m^2 thuộc thửa 64 tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Ca Lạc A , xã Lạc Hòa thị xã V tỉnh Sóc Trăng.

Phần đất có đặc điểm về diện tích và tứ cận thực tế như sau:

+ Đất nhà trước có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp nhà sau của ông Lực đang sử dụng có số đo là 1,72 mét. Đo từ giáp thửa 63 hướng Bắc về hướng Nam, giáp đất trống thửa 64; Hướng Tây Giáp lộ đal có số đo là 1,98 mét. Đo từ giáp thửa 63 hướng Bắc về hướng Nam giáp đất trống thửa 64; Hướng Nam giáp đất trống thửa 64 có số đo là 12,3 mét. Đo từ hướng Đông giáp nhà sau ông Nguyễn Văn Lực về hướng Tây giáp lộ đal; Hướng Bắc giáp thửa 63 có số đo là 12,3 mét Đo từ hướng Đông giáp nhà sau ông Nguyễn Văn Lực về hướng Tây giáp lộ đal. Diện tích 22,8m^2.

+ Đất nhà sau có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp một phần nhà sau của ông Lực có số đo là 1,52 mét. Đo từ giáp thửa 63 hướng Bắc về hướng Nam giáp đất trống thửa 64; Hướng Tây Giáp nhà trước của ông Nguyễn Văn Lực có số đo là 1,72 mét. Đo từ giáp thửa 63 hướng Bắc về hướng Nam, giáp đất trống thửa 64; Hướng Nam giáp đất trống thửa 64 và chồng gà của ông Lực, có số đo là 9 mét. Đo từ giáp nhà trước với nhà sau của ông Lực hướng Tây về hướng Đông, giáp phần còn lại của nhà sau ông Lực; Hướng Bắc giáp thửa 63 có số đo là 9 mét. Đo từ đo từ giáp nhà trước với nhà sau của ông Lực hướng Tây về hướng Đông, giáp phần còn lại của nhà sau ông Lực. Diện tích 14,5m^2.

+ Đất chuồng gà có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp đất trống thửa 64 có số đo là 3 mét. Đo từ giáp nhà sau ông Lực đang sử dụng hướng Bắc về hướng Nam giáp đất trống thửa 64; Hướng Tây giáp đất trống thửa 64 có số đo là 3 mét, đo từ giáp nhà sau ông Lực đang sử dụng hướng Bắc về hướng Nam giáp đất trống thửa 64; Hướng Nam giáp đất trống thửa 64 có số đo là 4,3 mét; Hướng Bắc giáp nhà sau ông Lực có số đo là 4,3 mét. Diện tích 12,9m^2.

+ Đất nhà bếp có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp đất trống thửa 64 có số đo là 2,2 mét. Đo từ giáp nhà sau ông Lực đang sử dụng hướng Bắc về hướng Nam

giáp đất trống thửa 64; Hướng Tây Giáp diện tích đất 64 có số đo là 2,2 mét. Đo từ giáp nhà sau ông Lực đang sử dụng hướng Bắc về hướng Nam giáp đất trống thửa 64; Hướng Nam giáp diện đất trống thửa 64 có số đo là 4,3 mét; Hướng Bắc giáp nhà sau ông Lực đang sử dụng số đo là 4,3 mét. Diện tích 9,6m^2. (có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí định giá và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

* Ngày 04/7/2018, người đại diện cho nguyên đơn Nguyễn Thị Bích và người có quyền, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Hữu Hiền, Huỳnh Hữu Hiếu và Huỳnh Hữu Thảo có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã V, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc gia đình bị đơn tháo dỡ toàn bộ vật kiến trúc giao trả lại diện tích đất lấn chiếm 59,6m^2 trong diện tích 169m^2, thuộc thửa 64, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Với lý do:

- Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời trình bày của bị đơn cho rằng ông Huỳnh Hữu Tiền mượn đất của cha mẹ bị đơn nhưng phía bị đơn lại hoàn toàn không có bất kỳ một chứng cứ pháp lý nào chứng minh việc mượn đất.

- Nguồn gốc phần diện tích đất do chính gia đình chúng tôi về phai phá lung trũng, rồi bồi đắp cất nhà ở vào năm 1978, gia đình chúng tôi đã quản lý sử dụng liên tục và đến năm 1999 thì ông Tiền được UBND huyện Vĩnh Châu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không có lý do gì ông Tiền lại hỏi mượn như nhận định của cấp sơ thẩm.

- Vào năm 2013 ông Nguyễn Văn Lực bắt đầu lấn chiếm một phần cất chuồng gà thì gia đình chúng tôi đã ngăn cản, sự việc đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành, sau đó anh em chúng tôi đi làm ăn xa nhà hoặc sinh sống tại nhà riêng, còn bà Nguyễn Thị Bích về sống với các con tại chợ để dược chăm chăm sóc tuổi già thì ông Lực đã lợi dụng không có ai ở để lấn chiếm phần đất phía sau.

- Theo quy định pháp luật thì toàn bộ phần đất tranh chấp là của gia đình nguyên đơn và các con đã quản lý sử dụng từ năm 1978 đến nay là 40 năm, đất được cấp giấy đúng quy định pháp luật về đất đai thì không có căn cứ nào để cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai không rõ ràng của một hai nhân chứng, thiếu cơ sở pháp lý, để từ đó xác định gia đình nguyên đơn từ trước đến nay không sử dụng phần đất tranh chấp mà lại nhận định bị đơn quản lý từ trước đến nay là hoàn toàn không có cơ sở.

* Ngày 26/7/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 12/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã V, với nội dung:

- Ông Nguyễn Văn Lực cho rằng phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn Ba khai phá, vào năm 1978 ông Huỳnh Hữu Tiền hỏi mượn bà Trần Thị Thành, đến năm 2005 tiếp tục qua hỏi mượn để cất nhà tình thương, cả hai lần mượn đất đều chỉ nói miệng, không có làm văn bản, có ông Hơn và ông Giá chứng kiến, nhưng hai người này đều đã chết, ông Lực không cung cấp được tài liệu, giấy tờ nào chứng minh phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông và gia đình ông có quản lý sử dụng.

- Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai những người làm chứng là ông Trương Táng, ông Thạch Văn Hên và ông Phạm Hòa để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa vững chắc, vì họ không trực tiếp chứng kiến việc hỏi mượn đất.

- Cấp sơ thẩm không trích lục hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Hữu Tiền, cũng như không có văn bản hỏi ý kiến UBND thị xã V về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Huỳnh Hữu Tiền đứng tên vào ngày 22/9/1999 có hợp pháp không, Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiên của nguyên đơn đòi lại đất tranh chấp, nhưng cũng không kiến nghị UBND thị xã V thu hồi hoặc hủy bỏ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích tranh chấp để cấp đổi hoặc cấp lại cho đúng với diện tích thực trạng các bên sử dụng như quyết định bản án đã tuyên.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm nêu trên theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích.

* Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện cho nguyên đơn là ông Huỳnh Hữu Hiền không rút lại đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Bích; Người đại diện cho nguyên đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Hữu Hiền, Huỳnh Hữu Hiếu, Huỳnh Hữu Thảo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Nguyễn Thị Bích và người có quyền, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Hữu Hiền, Huỳnh Hữu Hiếu, Huỳnh Hữu Thảo đưa ra những căn cứ, lập luận và cho rằng diện tích đất tranh chấp, cũng như toàn bộ diện tích đất tại thửa số 64 gia đình nguyên đơn đã khai phá, sử dụng liên tục từ năm 1978 cho đến khi phát sinh tranh chấp, năm 1999 ông Huỳnh Hữu Tiền được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên nguyên đơn khởi kiện đòi lại đất lấn chiếm là có căn cứ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Bích.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo và kháng nghị, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, kháng nghị và cho rằng cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa chính xác, đề nghị Hội đồng xét xử

chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Luật sư, Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Bích và người có quyền, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Hữu Hiền, Huỳnh Hữu Hiếu, Huỳnh Hữu Thảo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 278, Điều 279 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên kháng cáo, kháng nghị hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị Bích và người có quyền, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Phép, Nguyễn Thị Nhiệm, Nguyễn Thị Thật, Nguyễn Thị Kính, Nguyễn Thị Ánh, Nguyễn Văn Hưởng vắng mặt có người đại diện, Trần Thị Điệp, Nguyễn Thanh Diệp, Nguyễn Thị Bé, Nguyễn Văn Phết, Nguyễn Thị Kiều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[II] Về nội dung:

[1] Các đương sự thống nhất đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 59,6m^2 nằm trong tổng diện tích 169m^2 thuộc thửa 64 tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 478376 ngày 22/9/1999 của UBND huyện (nay là thị xã) Vĩnh Châu cấp cho hộ Huỳnh Hữu Tiền. Tài sản trên phần đất tranh chấp do bị đơn xây cất có chuồng gà diện tích 12,9m^2, nhà bếp diện tích 9,6m^2, một phần nhà trước diện tích 22,6m^2 và một phần nhà sau diện tích 14,5m^2 theo biên bản xem xét thẩm định ngày 08/3/2016, phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 16/3/2016 (BL 114 - 117); Giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp và tài sản trên đất theo Biên bản định giá tài sản ngày 10/5/2016 (Bl 120 – 123). Đồng thời, các bên thừa nhận diện tích đất tranh chấp ông Nguyễn Hữu Tiền quản lý, sử dụng từ năm 1978 cho đến khi ông Tiền chết (năm 2011).

[2] Tuy nhiên, theo nguyên đơn Nguyễn Thị Bích thì diện tích đất 169m^2 thuộc thửa 64 tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc đất của điền chủ bỏ hoang nên chồng nguyên đơn (ông Huỳnh Hữu Tiền, chết năm 2011) khai phá, quản lý sử dụng liên tục từ năm 1978

và đến ngày 22/9/1999 được UBND huyện (nay là thị xã) Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng công nhận, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Huỳnh Hữu Tiền, ông Huỳnh Hữu Tiền không có mượn đất như bị đơn trình bày. Đến năm 2013 bị đơn Nguyễn Văn Lực tự ý lấn chiếm đất của gia đình nguyên đơn, xây cất chuồng gà và nhà bếp thì phát sinh tranh chấp, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì vào năm 2015 bị đơn Lực lại tiếp tục xây dựng nhà lấn chiếm thêm, do đó nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Lực tháo dở chuồng gà, nhà bếp, một phần nhà trước và một phần nhà sau trả lại đất cho gia đình nguyên đơn diện tích đất lấn chiếm là 59,5m^2.

[3] Ngược lại, bị đơn ông Nguyễn Văn Lực cho rằng diện tích đất 169m^2 (có diện tích đất tranh chấp 59,6m^2) thuộc thửa đất số 64, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc của cha bị đơn (Nguyễn Văn Ba, chết năm 1975) khai phá, năm 1978 ông Huỳnh Hữu Tiền không có chỗ ở nên có hỏi mượn mẹ bị đơn (bà Trần Thị Thành) một phần diện tích đất chiều ngang 03m chiều dài 04m để cất nhà tạm, đến năm 2005 Nhà nước cất nhà tình thương cho ông Tiền thì ông Tiền lại tiếp tục qua hỏi mượn bà Thành nữa, việc ông Tiền được UBND huyện (nay là thị xã) Vĩnh Châu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1999 thì gia đình ông không hay biết.

[4] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án "*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 478376 ngày 22/9/1999 của UBND huyện Vĩnh Châu cấp cho hộ Huỳnh Hữu Tiền*", "*Danh sách họ tên người sử dụng đất*" do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Sóc Trăng lưu trữ và trình bày quá trình thực tế sử dụng đất của ông Huỳnh Hữu Tiền. Bị đơn phản đối cho rằng diện tích đất tranh chấp cho ông Huỳnh Hữu Tiền mượn sử dụng từ năm 1978, việc cho mượn không có làm văn bản và có ông Lê Văn Hơn, Lâm Văn Giá biết nhưng hiện nay hai người này đã chết.

[5] Xét thấy, các bên đều cho rằng diện tích đất tranh chấp, cũng như toàn bộ diện tích thửa đất số 64 do mình (hoặc gia đình) khai phá, nhưng trên thực tế ông Huỳnh Hữu tiền đã quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp và toàn bộ diện tích đất thửa đất số 64 từ năm 1978 cho đến năm 2011, ông Tiền đứng tên "Danh sách họ tên người sử dụng đất" do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Sóc Trăng lưu trữ và được UBND huyện Vĩnh Châu công nhận, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 478376 ngày 22/9/1999 cho hộ Huỳnh Hữu Tiền là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 5 Điều 13, Điều 36 Luật Đất đai năm 1993. Đồng thời, tại Công văn số 19/CV-TNMT ngày 05/10/2016 và Công văn số 17/CV-TNMT ngày 06/3/2017 của Phòng Tài nguyên & Môi trường thị xã V (do Ủy ban nhân dân thị xã V giao quyền) xác định "*Việc UBND thị xã V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 478376 ngày 22/9/1999 cho hộ ông Huỳnh Hữu Tiền tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng là đúng đối tượng*" và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 478376 ngày 22/9/1999 cấp cho hộ ông Tiền cũng không bị khiếu nại hoặc bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi, đến nay vẫn còn nguyên giá trị pháp lý nên toàn bộ diện tích đất 169m^2 (trong đó có diện tích tranh chấp 59,6m^2), thửa đất số 64, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng

thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ ông Huỳnh Hữu Tiền, nên được pháp luật bảo hộ.

[6] Theo phản đối, bị đơn Nguyễn Văn Lực cho rằng diện tích đất tranh chấp do gia đình khai phá, năm 1978 và năm 2005 ông Tiền hỏi mượn để cất nhà như trình bày trên, cả hai lần mượn đất đều chỉ nói miệng, không có làm văn bản, việc trình bày này không được phía nguyên đơn Nguyễn Thị Bích thừa nhận. Bị đơn Lực trình bày "ông Huỳnh Hữu Tiền mượn đất, có ông Hơn và ông Giá chứng kiến" nhưng hai người này đều đã chết, bị đơn Lực không cung cấp được tài liệu, giấy tờ nào khác để chứng minh cho việc ông Tiền mượn đất. Trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm có xác minh những người làm chứng như ông Trương Táng, ông Thạch Văn Hên và ông Phạm Hòa (bút lục 101 – 106) đều xác nhận "*việc cho mượn đất ở như thế nào, diện tích bao nhiêu thì không biết rõ*". Mặt khác, trong khi đó vào năm 1999 ông Tiền đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng lại cho rằng đến năm 2005 ông Tiền tiếp tục hỏi mượn đất là không có cơ sở. Do đó, theo bị đơn cho rằng đất tranh chấp cho ông Huỳnh Hữu Tiền mượn vào năm 1978 và năm 2005 là không có căn cứ.

[7] Ngoài ra, bị đơn lực còn cho rằng trong quá trình sử dụng đất, khi ông Tiền còn sống vào năm 1980 bị đơn đã cất chuồng gà và cất nhà bếp như hiện tại nhưng ông Tiền không ngăn cản, còn nguyên đơn cho rằng bị đơn xây cất lấn chiếm sau khi ông Tiền chết và sau khi tranh chấp. Xét thấy, sau khi phát sinh tranh chấp tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/7/2016 (BL 78) bị đơn thừa nhận "*chuồng gà và nhà bếp bị đơn đã cất 05 năm*" và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn thừa nhận xây cất chuồng gà và nhà bếp vào năm 2013, nên theo bị đơn trình bày cho rằng có sử dụng đất tranh chấp cất chuồng gà và cất nhà bếp từ năm 1980 là không đúng với thực tế, theo nguyên đơn sau khi ông Tiền chết thì đến năm 2013 bị đơn mới lấn đất là có cơ sở. Bị đơn cũng không chứng minh được phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình bị đơn và gia đình bị đơn có quản lý sử dụng, trong khi đó trên thực tế gia đình nguyên đơn sử dụng đất liên tục từ năm 1978 đến khi phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai những người làm chứng là ông Trương Táng, ông Thạch Văn Hên và ông Phạm Hòa cho rằng "*Nguồn gốc diện tích đất mà các bên đang tranh chấp là của ông Nguyễn Văn Ba và bà Trần Thị Thành khai phá sử dụng trước năm 1978, sau này ông Huỳnh Hữu Tiền đến mượn một nền đất để cất nhà ở*" để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ pháp luật, như đã phân tích trên chính bị đơn cũng không chứng minh được việc khai phá và sử dụng đất hợp pháp của mình, người làm chứng không trực tiếp chứng kiến việc cho mượn đất, lời xác nhận trên của người làm chứng không phù hợp với thực tế khách quan và các chứng cứ khác, tại thời điểm năm 1978 người làm chứng Hên và Hòa chỉ mới 10 tuổi, nên lời khai của những người làm chứng không đảm bảo tính trung thực, khách quan nên không có giá trị dùng làm chứng cứ để chứng minh theo quy định tại Điều 93, khoản 5 Điều 95 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[8] Mặt khác, ông Tiền trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất 169m^2 (có diện tích đất tranh chấp 59,6m^2) thuộc thửa đất số 64, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng liên tục từ năm 1978, đến năm

1999 được UBND huyện (nay thị xã) Vĩnh Châu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đã công nhận quyền sử dụng đất cho ông Tiền, ông Tiền và gia đình sử dụng đất liên tục đến khi phát sinh tranh chấp là trên 30 năm và cho đến nay. Đồng thời, vào năm 2005 ông Tiền đã được cất căn nhà tình thương trên đất nhưng cũng không ai phản đối, ngăn cản và tranh chấp.

[9] Từ phân tích và nhận định nêu trên, theo khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan; cũng như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng cáo và kháng nghị, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Đối với diện tích đất tranh chấp do bị đơn lấn chiếm là 59,6m^2 nằm trong tổng diện tích 169m^2, thuộc thửa đất số 64, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, trong đó bị đơn xây cất có chuồng gà diện tích 12,9m^2, nhà bếp diện tích 9,6m^2, một phần nhà trước diện tích 22,6 m^2 và một phần nhà sau diện tích 14,5m^2. Xét thấy, sau khi ông Tiền chết đến năm 2013 bị đơn cất chuồng gà lấn chiếm đất, cũng như sau khi phát sinh tranh chấp bị đơn xây dựng nhà lấn chiếm đất, mặc dù gia đình nguyên đơn và chính quyền ngăn cản nhưng bị đơn vẫn không chấp hành, đúng ra phải buộc bị đơn tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình xây dựng trên đất để trả lại đất lấn chiếm, nhưng trong đó một phần diện tích lấn chiếm năm trong nhà trước xây dựng kiên cố và một phần diện tích lấn chiếm năm trong nhà sau tuy xây dựng bán kiên cố, nhưng nếu như buộc tháo dỡ sẽ ảnh hưởng toàn bộ ngôi nhà, gây ra thiệt hại lớn, không thể thực hiện được và gây khó khăn cho việc thi hành án. Do đó, diện tích lấn chiếm xây dựng một phần nhà trước và một phần nhà sau cần ổn định cho bị đơn tiếp tục sử dụng, bị đơn có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất cho nguyên đơn bằng tiền, việc ổn định đất cho bị đơn tiếp tục sử dụng cũng không ảnh hưởng hoặc hạn chế đến việc sử dụng của nguyên đơn, phần diện tích xây dựng chuồng gà và nhà bếp tháo dỡ, di dời được được nên buộc bị đơn cùng những người đang sử dụng đất tháo dỡ trả lại đất tranh chấp cho nguyên đơn là đúng pháp luật.

[12] Do bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 Pháp lện án phí, lệ phí Tòa án và theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch là 200.000đồng và chịu án phí có giá ngạch trên số tiền thực hiện nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là 373.000đồng (7.460.000đ x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, Điều 165 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 27 Pháp lện án phí, lệ phí Tòa án và theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 29 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận kháng cáo nguyên đơn Nguyễn Thị Bích và người có quyền, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Hữu Hiền, Huỳnh Hữu Hiếu, Huỳnh Hữu Thảo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

2/. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2.1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Bích về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn Lực giao trả diện tích đất tranh chấp 59.6m^2 nằm trong tổng diện tích 169m^2 thuộc thửa 64 tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2.2/. Buộc bị đơn Nguyễn Văn Lực và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Điệp, Nguyễn Thanh Diệp, Nguyễn Thị Bé, Nguyễn Văn Phết và Nguyễn Thị Kiều tháo dỡ chuồng gà và nhà bếp trả lại diện tích đất lấn chiếm cho nguyên đơn Nguyễn Thị Bích diện tích 32,5m^2 (diện tích chuồng gà 12,9 m^2 + nhà bếp 9,6 m^2) nằm trong diện tích 169m^2, thuộc thửa 64 tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

* Vị trí, tứ cận chuồng gà như sau:

- Hướng Đông giáp đất trống thửa 64 có số đo là 3 mét (đo từ giáp nhà sau ông Lực đang sử dụng hướng Bắc về hướng Nam giáp đất trống thửa 64);

- Hướng Tây giáp đất trống thửa 64 có số đo là 3 mét (đo từ giáp nhà sau ông Lực đang sử dụng hướng Bắc về hướng Nam giáp đất trống thửa 64);

- Hướng Nam giáp đất trống thửa 64 có số đo là 4,3 mét;

- Hướng Bắc giáp nhà sau ông Lực có số đo là 4,3 mét.

* Vị trí, tứ cận nhà bếp như sau:

- Hướng Đông giáp đất trống thửa 64 có số đo là 2,2 mét (đo từ giáp nhà sau ông Lực đang sử dụng hướng Bắc về hướng Nam giáp đất trống thửa 64);

- Hướng Tây giáp diện tích đất 64 có số đo là 2,2 mét (đo từ giáp nhà sau ông Lực đang sử dụng hướng Bắc về hướng Nam giáp đất trống thửa 64);

- Hướng Nam giáp diện đất trống thửa 64 có số đo là 4,3 mét;

- Hướng Bắc giáp nhà sau ông Lực đang sử dụng số đo là 4,3 mét.

2.3/. Ổn định cho bị đơn Nguyễn Văn Lực tiếp tục sử dụng diện tích đất xây dựng nhà trước và nhà sau (lấn chiếm đất nguyên đơn Nguyễn Thị Bích) diện tích 37,3m^2 (nhà trước 22,8 m^2 + nhà sau 14,5m^2) nằm trong diện tích 169m^2, thuộc thửa 64 tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

* Vị trí, tứ cận đất nhà trước như sau:

- Hướng Đông giáp nhà sau của ông Lực đang sử dụng có số đo là 1,72 mét (đo từ giáp thửa 63 hướng Bắc về hướng Nam, giáp đất trống thửa 64);

- Hướng Tây Giáp lộ đal có số đo là 1,98 mét (đo từ giáp thửa 63 hướng Bắc về hướng Nam giáp đất trống thửa 64);

- Hướng Nam giáp đất trống thửa 64 có số đo là 12,3 mét (đo từ hướng Đông giáp nhà sau ông Nguyễn Văn Lực về hướng Tây giáp lộ đal);

- Hướng Bắc giáp thửa 63 có số đo là 12,3 mét (đo từ hướng Đông giáp nhà sau ông Nguyễn Văn Lực về hướng Tây giáp lộ đal).

* Vị trí, tứ cận đất nhà sau như sau:

- Hướng Đông giáp một phần nhà sau của ông Lực có số đo là 1,52 mét (đo từ giáp thửa 63 hướng Bắc về hướng Nam giáp đất trống thửa 64);

- Hướng Tây Giáp nhà trước của ông Nguyễn Văn Lực có số đo là 1,72 mét (đo từ giáp thửa 63 hướng Bắc về hướng Nam, giáp đất trống thửa 64);

- Hướng Nam giáp đất trống thửa 64 và chồng gà của ông Lực, có số đo là 9 mét (đo từ giáp nhà trước với nhà sau của ông Lực hướng Tây về hướng Đông, giáp phần còn lại của nhà sau ông Lực);

- Hướng Bắc giáp thửa 63 có số đo là 9 mét (đo từ đo từ giáp nhà trước với nhà sau của ông Lực hướng Tây về hướng Đông, giáp phần còn lại của nhà sau ông Lực).

* Bị đơn Nguyễn Văn Lực có nghĩa vụ trả gia trị quyền sử dụng đất đối với diện tích được ổn định 37,3m^2 (nhà trước 22,8 m^2 + nhà sau 14,5m^2) cho nguyên đơn Nguyễn Thị Bích với số tiền là 7.460.000đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn Nguyễn Thị Bích có đơn yêu cầu Thi hành án thì bị đơn Nguyễn Văn Lực phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả đủ số tiền nêu trên cho nguyên đơn theo quy định của Luật Thi hành án dân sự. Nếu bị đơn không thực hiện thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định

tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (10%/năm), tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2.4/. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Nguyễn Văn Lực phải chịu 573.000đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Bích tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 484.000đồng theo các Biên lai thu số 007005 ngày 22/6/2015 (số tiền 284.000đ) và số 008569 ngày 26/10/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2.5/. Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bị đơn Nguyễn Văn Lực phải chịu 1.025.000đồng, số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng xong, khi bị đơn Lực nộp thì hoàn trả cho nguyên đơn Bích số tiền 1.025.000đồng.

3/. Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo Nguyễn Thị Bích, Huỳnh Hữu Hiền, Huỳnh Hữu Hiếu và Huỳnh Hữu Thảo không phải chịu; Hoàn trả cho Nguyễn Thị Bích (Huỳnh Hữu Hiền đại diện), Huỳnh Hữu Hiếu và Huỳnh Hữu số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp mỗi người 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu số 0003856 (HIền), 003857 (Hiếu) và 0003858 (Thảo) cùng ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Khánh Hùng **Trương Tố Hương** **Phạm Hùng Nuôi**

TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hôm nay, ngày 14 tháng 11 năm 2018.

Tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

* Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Thẩm phán: 1/. Bà Trương Tố Hương.

2/. Ông Nguyễn Khánh Hùng

Tiến hành nghị án vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 99/2018/ TLPT-DS ngày 09 tháng 8 năm 2018, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất", giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bích**, sinh năm 1939

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Lực**, sinh năm 1952

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Huỳnh Hữu Hiền, sinh năm 1968

3.2 Ông Huỳnh Hữu Hiếu, sinh năm 1962

3.3 Ông Huỳnh Hữu Thảo, sinh năm 1964

3.4 Ông Huỳnh Hữu Lành, sinh năm 1970.

3.5 Bà Trần Thị Thành, sinh năm 1928 (đã chết và có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tô tụng).

3.6 Ông Nguyễn Văn Phép, sinh năm 1946

3.7 Bà Nguyễn Thị Nhiệm, sinh năm 1955

3.8 Bà Nguyễn Thị Thật, sinh năm 1957

3.9 Bà Nguyễn Thị Kính, sinh năm 1962

3.10 Bà Nguyễn Thị Ánh, sinh năm 1964

3.11 Ông Nguyễn Văn Hưởng, sinh năm 1967

3.12 Bà Trần Thị Điệp, sinh năm 1955

3.13 Ông Nguyễn Thanh Diệp, sinh năm 1972

3.14 Bà Nguyễn Thị Bé, sinh năm 1981

3.15 Ông Nguyễn Văn Phết, sinh năm 1983

3.16 Bà Nguyễn Thị Kiều, sinh năm 1990

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử đã biểu quyết 3/3 thống nhất với các nội dung phán quyết như sau:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, Điều 165 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 27 Pháp lện án phí, lệ phí Tòa án và theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 29 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận kháng cáo nguyên đơn Nguyễn Thị Bích và người có quyền, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Hữu Hiền, Huỳnh Hữu Hiếu, Huỳnh Hữu Thảo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

2/. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2.1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Bích về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn Lực giao trả diện tích đất tranh chấp 59.6m^2 nằm trong tổng diện tích 169m^2 thuộc thửa 64 tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2.2/. Buộc bị đơn Nguyễn Văn Lực và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Điệp, Nguyễn Thanh Diệp, Nguyễn Thị Bé, Nguyễn Văn Phết và Nguyễn Thị Kiều tháo dỡ chuồng gà và nhà bếp trả lại diện tích đất lấn chiếm cho nguyên đơn Nguyễn Thị Bích diện tích 32,5m^2 (diện tích chuồng gà 12,9 m^2 + nhà bếp 9,6 m^2) nằm trong diện tích 169m^2, thuộc thửa 64 tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

* Vị trí, tứ cận chuồng gà như sau:

- Hướng Đông giáp đất trống thửa 64 có số đo là 3 mét (đo từ giáp nhà sau ông Lực đang sử dụng hướng Bắc về hướng Nam giáp đất trống thửa 64);

- Hướng Tây giáp đất trống thửa 64 có số đo là 3 mét (đo từ giáp nhà sau ông Lực đang sử dụng hướng Bắc về hướng Nam giáp đất trống thửa 64);

- Hướng Nam giáp đất trống thửa 64 có số đo là 4,3 mét;

- Hướng Bắc giáp nhà sau ông Lực có số đo là 4,3 mét.

* Vị trí, tứ cận nhà bếp như sau:

- Hướng Đông giáp đất trống thửa 64 có số đo là 2,2 mét (đo từ giáp nhà sau ông Lực đang sử dụng hướng Bắc về hướng Nam giáp đất trống thửa 64);

- Hướng Tây giáp diện tích đất 64 có số đo là 2,2 mét (đo từ giáp nhà sau ông Lực đang sử dụng hướng Bắc về hướng Nam giáp đất trống thửa 64);

- Hướng Nam giáp diện đất trống thửa 64 có số đo là 4,3 mét;

- Hướng Bắc giáp nhà sau ông Lực đang sử dụng số đo là 4,3 mét.

2.3/. Ổn định cho bị đơn Nguyễn Văn Lực tiếp tục sử dụng diện tích đất xây dựng nhà trước và nhà sau (lấn chiếm đất nguyên đơn Nguyễn Thị Bích) diện tích 37,3m^2 (nhà trước 22,8 m^2 + nhà sau 14,5m^2) nằm trong diện tích 169m^2, thuộc thửa 64 tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Ca Lạc A, xã Lạc Hòa, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

* Vị trí, tứ cận đất nhà trước như sau:

- Hướng Đông giáp nhà sau của ông Lực đang sử dụng có số đo là 1,72 mét (đo từ giáp thửa 63 hướng Bắc về hướng Nam, giáp đất trống thửa 64);

- Hướng Tây Giáp lộ đal có số đo là 1,98 mét (đo từ giáp thửa 63 hướng Bắc về hướng Nam giáp đất trống thửa 64);

- Hướng Nam giáp đất trống thửa 64 có số đo là 12,3 mét (đo từ hướng Đông giáp nhà sau ông Nguyễn Văn Lực về hướng Tây giáp lộ đal);

- Hướng Bắc giáp thửa 63 có số đo là 12,3 mét (đo từ hướng Đông giáp nhà sau ông Nguyễn Văn Lực về hướng Tây giáp lộ đal).

* Vị trí, tứ cận đất nhà sau như sau:

- Hướng Đông giáp một phần nhà sau của ông Lực có số đo là 1,52 mét (đo từ giáp thửa 63 hướng Bắc về hướng Nam giáp đất trống thửa 64);

- Hướng Tây Giáp nhà trước của ông Nguyễn Văn Lực có số đo là 1,72 mét (đo từ giáp thửa 63 hướng Bắc về hướng Nam, giáp đất trống thửa 64);

- Hướng Nam giáp đất trống thửa 64 và chồng gà của ông Lực, có số đo là 9 mét (đo từ giáp nhà trước với nhà sau của ông Lực hướng Tây về hướng Đông, giáp phần còn lại của nhà sau ông Lực);

- Hướng Bắc giáp thửa 63 có số đo là 9 mét (đo từ đo từ giáp nhà trước với nhà sau của ông Lực hướng Tây về hướng Đông, giáp phần còn lại của nhà sau ông Lực).

* Bị đơn Nguyễn Văn Lực có nghĩa vụ trả gia trị quyền sử dụng đất đối với diện tích được ổn định 37,3m^2 (nhà trước 22,8 m^2 + nhà sau 14,5m^2) cho nguyên đơn Nguyễn Thị Bích với số tiền là 7.460.000đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn Nguyễn Thị Bích có đơn yêu cầu Thi hành án thì bị đơn Nguyễn Văn Lực phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả đủ số tiền nêu trên cho nguyên đơn theo quy định của Luật Thi hành án dân sự. Nếu bị đơn không thực hiện thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (10%/năm), tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2.4/. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Nguyễn Văn Lực phải chịu 573.000đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Bích tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 484.000đồng theo các Biên lai thu số 007005 ngày 22/6/2015 (số tiền 284.000đ) và số 008569 ngày 26/10/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2.5/. Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bị đơn Nguyễn Văn Lực phải chịu 1.025.000đồng, số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng xong, khi bị đơn Lực nộp thì hoàn trả cho nguyên đơn Bích số tiền 1.025.000đồng.

3/. Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo Nguyễn Thị Bích, Huỳnh Hữu Hiền, Huỳnh Hữu Hiếu và Huỳnh Hữu Thảo không phải chịu; Hoàn trả cho Nguyễn Thị Bích (Huỳnh Hữu Hiền đại diện), Huỳnh Hữu Hiếu và Huỳnh Hữu số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp mỗi người 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu số 0003856 (HIền), 003857 (Hiếu) và 0003858 (Thảo) cùng ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc cùng ngày 14 tháng 11 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Khánh Hùng **Trương Tố Hương** **Phạm Hùng Nuôi**